

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2026/HS-ST

Ngày : 04/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hải
- Ông Nguyễn Việt Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Đặng Tố Trinh** - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1984 tại Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số: 036184013382; Nơi đăng ký thường trú: Số F Ngách D N, phường Đ, quận L (nay là phường V), thành phố Hà Nội; Đảng phái: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 21/01/2026); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1 và bà: Nguyễn Thị B; Hoàn cảnh gia đình: Chồng: Phạm Thế M và 02 con: lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 20/12/2024.

2. Phạm Hải Đ, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990 tại Hà Nội; Căn cước công dân số: 001090020119; Nơi đăng ký thường trú: Số G ngõ A, T, phường N, quận H (nay là phường H), Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Mạnh H và bà: Nguyễn Thị Hồng V; Hoàn cảnh gia đình: Vợ: Nguyễn Thủy T2 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024.

3. Ngô Đăng T3, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2005 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 001205034904; Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường P, quận H (nay là phường P), Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Đăng Q và bà: Bùi Thị T4; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024.

4. Nguyễn Thị T5, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1973 tại Hà Nội; Căn cước công dân số: 001173001446; nơi đăng ký thường trú: 30 ngõ T, phường T, quận Đ (nay là phường V - Q), Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Quang H1 (chết) và bà: Bùi Thị B1; Hoàn cảnh gia đình: Chồng: Đào Hồng H2 và 03 con: lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024.

5. Bùi Thị T4, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1985 tại Hà Nội; Căn cước công dân số: 001185023670; Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, T, phường P, quận H (nay là phường P), Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn S và bà: Nguyễn Thị T6; Hoàn cảnh gia đình: Chồng: Ngô Đăng Q và 02 con: lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024.

6. Phạm Thế P, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1984 tại Hà Nội; Căn cước công dân số: 001084075599; Nơi đăng ký thường trú: tổ B, phường T, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Thế P1 và bà: Bùi Thị T7; Hoàn cảnh gia đình: Vợ: Vũ Thị T8 và 02 con: lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024.

(Các bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)

7. Hà Thị L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2004 tại Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038304009625; Nơi đăng ký thường trú: Xóm C, xã N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn L1 và bà: Trần Thị L2; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/01/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 02/02/2024. *Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23 giờ 40 phút ngày 24/01/2024, tại Ga đến Sân bay quốc tế T thuộc Phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận T bắt quả tang Phạm Hải Đ, Nguyễn Thị T5, Phạm Thế P, Ngô Đăng T3, Hà Thị L và Bùi Thị T4 đang vận chuyển các kiện hành lý bên trong có chứa thuốc lá điều nhập lậu, thuốc lá điện tử và điện thoại di động không có hóa đơn chứng từ, không khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập cảnh từ Hàn Quốc về Việt Nam vượt định mức miễn thuế. Cụ thể:

1. Phạm Thế P mang hàng hóa gồm:

- 440 bao thuốc lá điều nhập lậu, loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm: 270 bao hiệu E, 40 bao hiệu Esse Change Linn, 20 bao hiệu E1, 40 bao hiệu Esse Change Up, 30 bao hiệu R, 40 bao hiệu B2); 850 bao thuốc lá điện tử (90 bao hiệu M1, 40 bao hiệu Miix ICE Boost, 220 bao hiệu Terea Yugen, 340 bao hiệu Terea Black Purdle, 160 bao hiệu Terea Blue) loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ và 14 điện thoại di động đã qua sử dụng (01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro max 128GB, 04 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 256GB và 03 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 256GB).

- 02 kiện hàng là 01 valy và 01 túi xách, gồm: 270 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 150 bao hiệu Esse Change 1Mg, 20 bao hiệu E2, 20 bao hiệu Esse Golden Leaf, 30 bao hiệu RAISON FRECH BLACK và 50 bao hiệu B2); 470 bao thuốc lá điện tử hiệu T10 loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ; 06 điện thoại di động đã qua sử dụng (gồm 04 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 256GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro 256GB và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max 256GB). P khai là của T nhờ giữ gìn trong lúc T tiếp tục đi lấy hành lý ký gửi. P không biết bên trong 02 kiện hành lý do T gửi có chứa hàng hóa gì.

2. Phạm Hải Đ mang hàng hóa gồm: 220 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (50 bao hiệu E3, 40 bao hiệu Esse Change 1Mg, 90 bao hiệu Raison và 40 bao hiệu B2); 820 bao thuốc lá điện tử loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 340 bao hiệu Miix và 480 bao hiệu Terea) và 08 điện thoại di động đã qua sử dụng (gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 pro max 512GB, 03 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 256GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 128GB và 03 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro 256GB).

3. Ngô Đăng T3 mang hàng hóa gồm: 190 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 20 bao hiệu ESSE SPECIAL GOLD, 160 bao hiệu Esse Change và 10 bao hiệu BOHEM Cigar slim fit); 610 bao thuốc lá điện tử loại 20 điếu/bao, do nước ngoài sản xuất, không

có hóa đơn, chứng từ (gồm 40 bao hiệu MIIX và 570 bao hiệu TEREAA) và 08 điện thoại di động đã qua sử dụng (gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro max 128GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus 128GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB, 04 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 128GB và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro 256GB).

4. Nguyễn Thị T5 mang theo hàng hóa gồm: 820 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 410 bao hiệu E4, 10 bao hiệu Esse Golden Leaf, 30 bao hiệu Esse Change Up, 50 bao hiệu Esse Change 1Mg, 220 bao hiệu Bohem Cigar slim fit No.1 Brown và 100 bao hiệu Bohem Cigar slim Mini No.5); 440 bao thuốc lá điện tử loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 270 bao hiệu Miix Mix, 150 bao hiệu Miixl Combo, 10 bao hiệu Miix Ice Double và 10 bao hiệu Terea Iluma) và 07 điện thoại di động đã qua sử dụng (02 điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro 128GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro 256GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax 256GB và 03 điện thoại Iphone 12 pro max 128GB).

5. Hà Thị L mang theo hàng hóa gồm: 330 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 100 bao hiệu Esse Special, 30 bao hiệu Raison Frech Yogo và 200 bao hiệu Bohem); 520 bao thuốc lá điện tử loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 100 bao hiệu Miix và 420 bao hiệu Terea) và 08 điện thoại di động đã qua sử dụng (01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 128GB, 03 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 128GB, 02 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro 256GB và 02 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 256GB).

6. Bùi Thị T4 mang theo hàng hóa gồm: 720 bao thuốc lá điều nhập lậu loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (gồm 590 bao hiệu E4, 60 bao hiệu Esse Change, 40 bao hiệu Esse Royzal Palace, 20 bao hiệu Raison và 10 bao hiệu Bohem); 660 bao thuốc lá điện tử loại 20 điều/bao, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ (490 bao hiệu Miix và 170 bao hiệu Terea) và 08 điện thoại di động đã qua sử dụng (gồm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro max 256GB, 02 điện thoại Iphone 14 pro 128GB, 02 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max 128GB, 02 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro 256GB và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max không đăng nhập được).

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận:

Khoảng ngày 20/01/2024, L3 (không xác định lai lịch, là người Việt Nam gặp tại sân bay I - Hàn Quốc) nhắn Zalo nhờ T giới thiệu người vận chuyển hàng hóa về Việt Nam, T giới thiệu Phạm Thế P, Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Nguyễn Thị T5, Hà Thị L, Bùi Thị T4. L3 yêu cầu chụp Passport của 06 người nhận vận chuyển hàng cho L3 để L3 soạn hàng trước. Khi đến sân bay Hàn Quốc, những người này đến cửa hàng miễn thuế đưa passport thì sẽ có nhân viên giao hàng hóa để vận chuyển về Việt Nam. Tiền công vận chuyển là 2.000.000 đồng, bao vé máy bay. Sau khi thỏa thuận, L3 nhờ T đặt vé máy bay giúp (do trước đó T đã từng thuê 06 người này vận chuyển rau củ đến Hàn Quốc vào ngày 23/01/2024 nên có thông tin). Tiền vé máy bay L3 sẽ trả lại cho T sau khi đến Hàn Quốc. Riêng tiền công vận chuyển, khi có người đến lấy hàng sẽ có người đứng ra trả trực tiếp cho từng người xách hàng. Bên trong khu

cách ly sân bay I - Hàn Quốc, có nhiều cửa hàng miễn thuế sát cạnh nhau. Khi đến cửa hàng miễn thuế, các bị can xuất trình hộ chiếu và nhận hàng hóa, sẽ có người đưa hàng hóa. Hàng hóa của từng người tự kiểm tra và sắp xếp vào vali, túi xách cá nhân. Thư thông báo riêng cho từng người qua Z để tự chủ động đến các cửa hàng miễn thuế lấy hàng. Tại thời điểm lấy hàng tại cửa hàng miễn thuế, T không có mặt, T không biết loại hàng hóa. Sau khi lấy hàng xong, có vé do Thư đặt sẵn, 06 bị can mang hàng hóa về Việt Nam và nhận tiền công vận chuyển. Các bị can thừa nhận chỉ vận chuyển trái phép điện thoại, thuốc lá điều và thuốc lá điện tử lần đầu tiên vào ngày 24/01/2024, những lần xuất cảnh trước đó chỉ vận chuyển rau củ, quả cho T lấy tiền công. Tiền công được tính dựa trên khối lượng hàng hóa vận chuyển, ngoài tiêu chuẩn hành lý theo quy định, các bị can khai nhận còn mua thêm hành lý ký gửi để vận chuyển rau củ quả từ Việt Nam qua Hàn Quốc và ngược lại.

Đến ngày 24/01/2024, khi về đến Sân bay Quốc tế T, các bị can Phạm Thế Phong, Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Nguyễn Thị T5, Hà Thị L, Bùi Thị T4 vận chuyển cho T đều mang hành lý đi ra luồng xanh. Tất cả hàng hóa khi đem về đến Việt Nam sẽ được Thư thông báo địa điểm đưa hàng hóa về, các bị can đều biết việc vận chuyển hàng hóa vượt mức miễn thuế, không khai báo hải quan khi nhập cảnh là vi phạm pháp luật. Do chưa giao hàng hóa cho người nhận được nên tất cả đều chưa được trả tiền công vận chuyển.

Riêng đối với việc Phạm Thế P có nhận của Nguyễn Thị T 02 kiện hàng là 01 vali và 01 túi xách mà Thư vận chuyển từ Hàn Quốc về Việt Nam ngày 24/01/2024 gồm: 270 bao thuốc lá điều nhập lậu (từng loại theo biên bản niêm phong ngày 24/01/2024); 470 bao thuốc lá điều điện tử; 06 cái điện thoại di động hiệu Iphone các loại (04 cái Iphone 12 Promax, dung lượng 256 GB; 01 cái Iphone 12 Pro dung lượng 256 GB, 01 cái 11 Promax dung lượng 256 GB) đã qua sử dụng. Khi về đến Việt Nam, T là người trực tiếp xách số hàng này đem ra ngoài. Nhưng sau khi ra ngoài, T có đưa P để quản lý giúp, T đi vào trong để lấy hành lý ký gửi. P không biết bên trong 02 kiện hành lý trên chứa hàng hóa gì. Đến khi bị phát hiện, chứng kiến kiểm tra P mới biết hàng hóa bên trong 02 kiện như nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04, 05, 06, 07, 08 và 09/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T xác định:

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Phạm Thế P là 335.143.310 đồng (Trong đó, hàng hóa mà P giữ hộ Thư ở sân bay trị giá 124.013.430 đồng, số hàng hóa P tự mình vận chuyển trị giá 211.129.880 đồng).

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Phạm Hải Đ là 185.779.780 đồng.

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Ngô Đăng T3 là 152.959.750 đồng.

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Nguyễn Thị T5 là 218.433.170 đồng.

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Hà Thị Là là 167.133.150 đồng.

- Tổng trị giá hàng hóa vi phạm của Bùi Thị T4 là 231.463.040 đồng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có được, xác định T có hành vi giúp sức cho người tên L3, để vận chuyển số hàng hóa trên về Việt Nam, T phải chịu trách nhiệm

hình sự đối với tổng giá trị số hàng hóa 07 bị can vận chuyển trái phép về Việt Nam là 1.290.912.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 06 điện thoại di động, đã qua sử dụng của 06 bị can.
- 2.990 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại do nước ngoài sản xuất, loại 20 điếu/bao, hàng mới 100%.
- 4.370 bao thuốc lá điện tử nhập lậu các loại, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn chứng từ, hàng mới 100%.
- 53 điện thoại di động hiệu Iphone các loại, đã qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ là hàng hóa các bị can nhận vận chuyển về Việt Nam để lấy tiền công.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-KV4 ngày 06 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Phạm Thế P, Nguyễn Thị T5, Hà Thị L và Bùi Thị T4 về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo nhất thời phạm tội; hiện bị cáo đang mang thai, bác sỹ chỉ định hạn chế di chuyển nên đề nghị được xét xử vắng mặt bị cáo và xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục làm việc, sống có ích cho xã hội.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, bị cáo T3 đang là sinh viên đại học, các bị cáo còn lại đang có việc làm ổn định; các bị cáo Phạm Thế P, Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Bùi Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Hà Thị L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo T là trụ cột kinh tế trong gia đình nuôi mẹ già bị bệnh ung thư và suy thận, bị cáo Bùi Thị T4 phạm tội khi đang có thai; gia đình các bị cáo P, T3 và Nguyễn Thị T5 có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến, cha của bị cáo Bùi Thị T4 là thương binh hạng 3; bị cáo Đ đã ly hôn và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ dưới 15 tuổi, bị cáo L đang có thai. Đã đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt tiền bị cáo

Nguyễn Thị Thơ T9 1.000.000.000 (một tỷ) đồng đến 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt tiền bị cáo Phạm Thế P từ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng đến 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; Phạt tiền bị cáo Phạm Hải Đ từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng đến 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; Phạt tiền bị cáo Ngô Đăng T3 từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị T5 từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt tiền bị cáo Hà Thị L từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng đến 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; Phạt tiền bị cáo Bùi Thị T4 từ 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng đến 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 24/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi giúp sức cho đối tượng L3 (chưa xác định lai lịch) liên hệ lấy thông tin của các bị cáo Phạm Thế P, Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Bùi Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Hà Thị L, sau đó các bị cáo nhận hàng hóa là thuốc lá điều, thuốc lá điện tử và điện thoại di động hiệu Iphone các loại đã qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ tại Sân bay quốc tế I (Hàn Quốc) và vận chuyển về đến Sân bay quốc tế T11 (Việt nam) để lấy tiền công thì bị bắt quả tang. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ trị giá hàng hóa là

1.290.912.000 đồng; bị cáo P phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 211.129.880 đồng, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 185.779.780 đồng, bị cáo T3 phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 152.959.750 đồng, bị cáo L phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 167.133.150 đồng, bị cáo Nguyễn Thị T5 phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 218.433.170 đồng, bị cáo Bùi Thị T4 phải chịu trách nhiệm với hàng hóa đã vận chuyển trị giá 231.463.040 đồng.

Do đó, bị cáo Nguyễn Thị T bị truy tố và xét xử về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, thuộc trường hợp “Vật phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các bị cáo Phạm Thế P, Phạm Hải Đ, Ngô Đăng T3, Nguyễn Thị T5, Hà Thị L và Bùi Thị T4 đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi vận chuyển hàng hóa vượt mức quy định qua biên giới của các bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến chính sách xuất, nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được việc vận chuyển hàng hóa qua biên giới phải có hóa đơn chứng từ và được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền nhưng vì tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Bùi Thị T4 khi phạm tội là phụ nữ có thai, bị cáo L hiện đang có thai. Các bị cáo P, Đ, T3, L, Bùi Thị T4 và Nguyễn Thị T5 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong phát hiện tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tương ứng với từng bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo T3 hiện đang là sinh viên đại học, các bị cáo còn lại đều đang có công việc ổn định; bị cáo T là trụ cột kinh tế trong gia đình nuôi mẹ già bị bệnh ung thư và suy thận; gia đình các bị cáo P, T3 và Nguyễn Thị T5 có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến; cha của bị cáo Bùi Thị T4 là thương binh hạng 3, bị cáo Đ đã ly hôn và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ dưới 15 tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, trong thời gian tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật gì, nghĩ không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo được hưởng

hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Đối với người phụ nữ tên L3 là người thuê bị cáo T vận chuyển hàng hóa, bị cáo T khai quen biết L3 tại sân bay I (Hàn Quốc) trong những lần đi trước và đã từng vận chuyển hàng hóa cho lan vài L4, bị cáo chỉ có tài khoản Zalo của L3, không biết số điện thoại và nhân thân, lai lịch cụ thể của L3 và hiện không còn liên lạc được với L3. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh xử lý là có căn cứ.

Kết quả xác minh tại hải quan Cửa khẩu sân bay T12, xác định “Luồng Xanh” là luồng hành khách không phải khai báo Hải quan, được áp dụng đối với người xuất cảnh, nhập cảnh không có hành lý thuộc diện phải khai báo Hải quan và không phải thực hiện khai báo Hải quan theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 3280/QĐ-TCHQ ngày 30/6/2016 của Tổng cục H3. Do đó, các bị cáo khi nhập cảnh có hàng hóa phạm pháp như nêu trên không khai báo hải quan mà đi qua luồng xanh để đi thẳng ra ngoài, cố tình không đi qua “luồng đỏ”, nơi có công chức Hải quan thực hiện nhiệm vụ soi chiếu nên sự việc không thuộc trách nhiệm của Hải quan.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 thu giữ của bị cáo P, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max thu giữ của bị cáo T3, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64Gb thu giữ của bị cáo Đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 32 GB thu giữ của bị cáo L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T5 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax thu giữ của bị cáo Bùi Thị T4, xét thấy các bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 2.990 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại do nước ngoài sản xuất, loại 20 điếu/bao, hàng mới 100%; 4.370 bao thuốc lá điện tử nhập lậu các loại, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn chứng từ, hàng mới 100% là hàng hóa các bị cáo nhận vận chuyển về Việt Nam để lấy tiền công, xét thấy đây là những vật nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- 53 điện thoại di động hiệu Iphone các loại, đã qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ là hàng hóa các bị cáo nhận vận chuyển về Việt Nam để lấy tiền công là những vật Nhà nước cấm lưu hành nhưng còn giá trị nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo: Nguyễn Thị T 1.000.000.000 (một tỷ) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Phạt tiền bị cáo: Phạm Thế P 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

- Phạt tiền bị cáo: Phạm Hải Đ 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

- Phạt tiền bị cáo: Ngô Đăng T3 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

- Phạt tiền bị cáo: Nguyễn Thị T5 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Phạt tiền bị cáo: Hà Thị L 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Phạt tiền bị cáo: Bùi Thị T4 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64Gb, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 32 GB, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax và 53 điện thoại di động hiệu Iphone các loại, đã qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ (có bảng kê chi tiết theo biên bản định giá và kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản TTHTS quận T).

- Tịch thu và tiêu hủy: 2.990 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại do nước ngoài sản xuất, loại 20 điếu/bao, hàng mới 100%; 4.370 bao thuốc lá điện tử nhập lậu các loại, do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn chứng từ, hàng mới 100% (có bảng kê chi tiết theo biên bản định giá và kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản TTHTS quận T).

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 147/BB/2026 ngày 03/02/2026 giữa Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC03);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Hiếu Hạnh